

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax advisory
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẤP MÁY HẢI PHÒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025**

---

**Tháng 8 năm 2025**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 35

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Huy Đạt	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Cảnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên
Ông Tạ Văn Sơn	Ủy viên
Bà Lại Thị Vinh	Ủy viên
Bà Vũ Thị Lương Dung	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Hữu Cảnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Huy Đạt - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Đỗ Huy Đạt đã ủy quyền cho Ông Lê Hữu Cảnh - Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo Giấy ủy quyền số 08/GUQ- DNC ngày 07 tháng 4 năm 2021.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Lê Hữu Cảnh**  
**Tổng Giám đốc**  
Hải Phòng, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Số: 283 /VACO/BCSX.NV2

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025, từ trang 04 đến trang 35 bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (gọi chung là "Báo cáo tài chính giữa niên độ").

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Chữ Mạnh Hoan**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>169.306.122.292</b>	<b>113.460.963.189</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>46.706.023.476</b>	<b>20.631.732.678</b>
1. Tiền	111		46.706.023.476	20.631.732.678
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.615.065.753</b>	<b>8.845.622.953</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	9.886.685.075
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(1.565.127.875)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	1.615.065.753	524.065.753
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>97.865.991.752</b>	<b>65.484.182.496</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	64.300.874.694	38.978.261.330
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		377.824.216	1.266.471.233
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	33.187.292.842	25.239.449.933
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>19.300.534.852</b>	<b>16.415.521.396</b>
1. Hàng tồn kho	141		19.466.407.811	16.581.394.355
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(165.872.959)	(165.872.959)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.818.506.459</b>	<b>2.083.903.666</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	3.772.121.833	1.979.663.268
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		(68.313.273)	23.578.547
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15	114.697.899	80.661.851
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>89.645.589.887</b>	<b>89.279.966.536</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>55.566.151.664</b>	<b>59.744.826.839</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	50.501.213.842	54.483.895.133
- Nguyên giá	222		135.465.864.184	134.731.835.425
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.964.650.342)	(80.247.940.292)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	5.064.937.822	5.260.931.706
- Nguyên giá	228		6.148.179.248	6.148.179.248
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.083.241.426)	(887.247.542)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>1.616.041.734</b>	<b>382.687.445</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.616.041.734	382.687.445
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>3.215.716</b>	<b>3.592.670.397</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.215.716	4.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(407.329.603)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>32.460.180.773</b>	<b>25.559.781.855</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	32.460.180.773	25.559.781.855
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>258.951.712.179</b>	<b>202.740.929.725</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>121.149.654.219</b>	<b>69.478.793.392</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>120.061.415.901</b>	<b>68.789.408.743</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	76.695.233.736	32.452.539.773
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		656.084.975	473.797.398
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	5.003.342.850	3.129.243.900
4. Phải trả người lao động	314		1.057.798.672	906.818.300
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	13.485.241.541	11.334.582.676
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	6.338.671.827	4.403.248.460
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	13.284.804.793	14.456.096.582
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.540.237.507	1.633.081.654
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.088.238.318</b>	<b>689.384.649</b>
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.088.238.318	689.384.649
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>137.802.057.960</b>	<b>133.262.136.333</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>137.802.057.960</b>	<b>133.262.136.333</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.277.800.000	80.277.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.277.800.000	80.277.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(50.000.000)	(50.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		557.368.590	557.368.590
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		713.858.604	713.858.604
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.303.030.766	51.763.109.139
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		33.730.124.700	17.741.254.467
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		22.572.906.066	34.021.854.672
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>258.951.712.179</b>	<b>202.740.929.725</b>



Nguyễn Thị Lý  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 14 tháng 8 năm 2025



Mai Thị Thanh Hà  
Kế toán trưởng






Lê Hữu Cảnh  
Tổng Giám đốc




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		499.052.514.353	439.276.655.580
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	20	499.052.514.353	439.276.655.580
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	460.634.551.473	402.269.876.601
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		38.417.962.880	37.006.778.979
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	465.741.574	1.627.232.260
6. Chi phí tài chính	22	23	(851.918.800)	1.810.209.588
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		257.985.329	254.537.961
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	10.325.997.191	11.505.018.337
8. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		29.409.626.063	25.318.783.314
9. Thu nhập khác	31		76.827.479	241.915.022
10. Chi phí khác	32		857.586.724	178.940.075
11. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(780.759.245)	62.974.947
12. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		28.628.866.818	25.381.758.261
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	5.657.107.083	5.024.692.969
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	398.853.669	222.795.044
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		22.572.906.066	20.134.270.248
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.249	2.006

  
Nguyễn Thị Lý  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 14 tháng 8 năm 2025

  
Mai Thị Thanh Hà  
Kế toán trưởng

  
Lê Hữu Cảnh  
Tổng Giám đốc





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	28.628.866.818	25.381.758.261
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.912.703.934	3.900.881.036
- Các khoản dự phòng	03	(1.135.673.194)	1.555.671.627
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(44.846.036)	(28.983.716)
- Chi phí lãi vay	06	257.985.329	254.537.961
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	32.619.036.851	31.063.865.169
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09	(32.297.764.558)	(49.186.493.534)
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10	(2.885.013.456)	451.693.211
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	49.881.330.680	44.797.225.114
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	(8.692.857.483)	(4.856.698.810)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	9.886.685.075	5.596.857.253
- Tiền lãi vay đã trả	14	(262.321.494)	(353.608.820)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.997.958.504)	(5.879.694.501)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.086.233.386)	(2.934.653.088)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	39.164.903.725	18.698.491.994
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.967.383.048)	(6.116.043.879)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.091.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	10.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.657.110	13.416.911
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.179.725.938)	(6.092.626.968)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	70.304.550.505	34.543.345.313
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(70.175.842.294)	(32.630.375.569)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.039.595.200)	(9.633.385.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.910.886.989)	(7.720.415.256)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	26.074.290.798	4.885.449.770
Tiền và các khoản tương đương tiền	60	20.631.732.678	16.262.893.402
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền (70 = 50 + 60 + 61)	70	46.706.023.476	21.148.343.172

*Nguyễn Thị Lý*

**Nguyễn Thị Lý**  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 14 tháng 8 năm 2025

*Mai Thị Thanh Hà*

**Mai Thị Thanh Hà**  
Kế toán trưởng



*Lê Hữu Cảnh*

**Lê Hữu Cảnh**  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu vốn theo Quyết định số 1390/QĐ-UB ngày 01 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 21 tháng 10 năm 2005, sửa đổi lần thứ 18 số 0200155561 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 7 năm 2025.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 18 ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Công ty là 80.277.800.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 163 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 165 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất kết cấu thép các khung tiền chế, kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt máy các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình viễn thông, thủy lợi, đê kè, cầu cống; Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước; Xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế 220KV, cầu tàu, bến cảng, cầu cống;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị và công nghiệp, công trình cầu tàu, bến cảng;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Phân phối nước sạch.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, danh sách các chi nhánh hạch toán phụ thuộc, Công ty liên kết của Công ty như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề chính
<b>I Chi nhánh phụ thuộc</b>			
1	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chính nhánh Hạ Long	Ki-ốt C238, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	Truyền tải và phân phối điện; Phân phối nước sạch
2	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chính nhánh Ecopark Hải Dương	Tầng 3 tòa nhà Minh Anh Plaza, số 76-80, Phố Trần Hưng Đạo, Phường Hải Dương, TP Hải Phòng	Truyền tải và phân phối điện
3	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chính nhánh Ecopark Hưng Yên	Tầng 1, Tòa nhà A3, Khu đô thị Thương Mại Du lịch Văn Giang, Xã Phụng Công, Tỉnh Hưng Yên	Truyền tải và phân phối điện
4	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chính nhánh Phú Quốc	S336, Khu đô thị An Thới Gate Way, Khu phố 6, Đặc khu Phú Quốc, Tỉnh An Giang	Truyền tải và phân phối điện
5	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chính nhánh Nghệ An	TG1-16/LK53-18, Khu đô thị Eco Central Park, Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	Truyền tải và phân phối điện
<b>II Công ty liên kết</b>			
1	Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long (i)	Ki-ốt C238, Khu phố cổ Sunworld, đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Truyền tải và phân phối điện; Khai thác, xử lý và cung cấp nước

**Ghi chú:**

(i) Chi tiết tại Thuyết minh số 13.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến 30 tháng 6 năm 2025.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), do quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể, nên Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các khoản thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên việc đánh giá về khả năng thu hồi được của những khoản nợ phải thu này.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị quản lý	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó: Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất (Công ty không thực hiện trích khấu hao do quyền sử dụng đất là lâu dài), và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng không quá năm năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng Công ty tại 34 Thiên Lôi và các chi phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá ba năm. Riêng với công tơ điện từ đo xa, Công ty thực hiện phân bổ với thời gian là 6 năm theo chu kỳ kiểm định của công tơ đo xa.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

*Vốn góp của chủ sở hữu:* Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

*Thặng dư vốn cổ phần:* Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

*Quỹ đầu tư phát triển:* Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp, được ghi nhận theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Tất cả chi phí đi vay đều được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long	Công ty liên kết
Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ, Kế toán trưởng và Hội đồng Quản trị Công ty	Lãnh đạo chủ chốt

**4. TIỀN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	682.083.070	341.119.202
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	46.023.940.406	20.290.613.476
<b>Cộng</b>	<b>46.706.023.476</b>	<b>20.631.732.678</b>

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.615.065.753		524.065.753	-
<b>Cộng</b>	<b>1.615.065.753</b>	<b>-</b>	<b>524.065.753</b>	<b>-</b>

**Ghi chú:**

- (i) Các khoản tiền gửi tại các ngân hàng TMCP có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 4,2%/năm.

Theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2025/12264402/HĐBĐ, khoản tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền 1.091.000.000 VND được cầm cố tại ngân hàng để đảm bảo khoản thanh toán chi phí mua điện hàng tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Các hộ dân tại An Dương	24.907.002.471	13.365.967.529
Chi nhánh Điện Ecopark Hưng Yên	12.422.404.089	8.860.441.848
Các hộ dân tại Thủy Nguyên	8.632.857.172	6.742.539.123
Các hộ dân tại Vĩnh Bảo	5.766.364.795	3.270.612.815
Các hộ dân tại Hạ Long	8.090.159.162	2.967.462.007
Các đối tượng khác	4.482.087.005	3.771.238.008
<b>Cộng</b>	<b>64.300.874.694</b>	<b>38.978.261.330</b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu tiền điện, nước tạm tính (i)	21.173.204.114	-	13.902.999.994	-
Tạm ứng	11.813.570.838	-	10.169.568.400	-
Khoản ký quỹ, ký cược	136.545.455	-	266.972.455	-
Phải thu khác	63.972.435	-	899.909.084	-
Lãi cho vay phải thu	30.229.258	-	4.040.332	-
Phải thu khác	33.743.177	-	895.868.752	-
<b>Cộng</b>	<b>33.187.292.842</b>	<b>-</b>	<b>25.239.449.933</b>	<b>-</b>

Ghi chú

- (i) Phải thu khác tương ứng doanh thu tiền điện, nước tạm tính kể từ ngày chốt công to, đồng hồ kỳ cuối đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.691.138.182	(165.872.959)	8.674.874.460	(165.872.959)
Công cụ dụng cụ	248.780.988	-	236.582.136	-
Chi phí SXKD dở dang	7.526.488.641	-	7.669.937.759	-
<b>Cộng</b>	<b>19.466.407.811</b>	<b>(165.872.959)</b>	<b>16.581.394.355</b>	<b>(165.872.959)</b>

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các công trình xây dựng đang thực hiện, số dư cuối kỳ chủ yếu của công trình đường bao phía Đông Nam Quận Hải An. Dự án được tái triển khai theo Thông báo số 01/TB-QLDA ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng trực thuộc Ủy ban Nhân dân Quận Hải An.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.772.121.833</b>	<b>1.979.663.268</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	534.047.781	535.791.828
Chi phí bảo hiểm	43.492.698	36.197.254
Chi phí sửa chữa	159.932.642	573.127.511
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.034.648.712	834.546.675
<b>Dài hạn</b>	<b>32.460.180.773</b>	<b>25.559.781.855</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng (i)	28.604.980.148	21.867.974.248
Chi phí dự án 34 Thiên Lôi (ii)	111.204.046	524.321.186
Chi phí sửa chữa lưới điện, hệ thống nước	1.708.871.329	1.838.915.109
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.035.125.250	1.328.571.312
<b>Cộng</b>	<b>36.232.302.606</b>	<b>27.539.445.123</b>

Ghi chú:

- (i) Công cụ dụng cụ xuất dùng chủ yếu là giá trị công tơ điện từ đo xa.
- (ii) Phản ánh các chi phí cải tạo, sửa chữa một số hạng mục khu Văn phòng Công ty tại 34 Thiên Lôi.

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu kỳ	16.144.102.420	109.860.790.164	8.556.690.591	170.252.250	134.731.835.425
Mua trong kỳ	-	734.028.759	-	-	734.028.759
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>16.144.102.420</b>	<b>110.594.818.923</b>	<b>8.556.690.591</b>	<b>170.252.250</b>	<b>135.465.864.184</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số đầu kỳ	5.999.501.361	69.051.303.476	5.026.883.205	170.252.250	80.247.940.292
Khấu hao trong kỳ	539.572.429	3.775.939.977	401.197.644	-	4.716.710.050
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.539.073.790</b>	<b>72.827.243.453</b>	<b>5.428.080.849</b>	<b>170.252.250</b>	<b>84.964.650.342</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu kỳ	10.144.601.059	40.809.486.688	3.529.807.386	-	54.483.895.133
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>9.605.028.630</b>	<b>37.767.575.470</b>	<b>3.128.609.742</b>	<b>-</b>	<b>50.501.213.842</b>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 4.486.276.321 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4.860.790.906 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 44.089.842.137 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 42.971.792.845 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu kỳ	4.086.629.248	2.061.550.000	6.148.179.248
Số cuối kỳ	4.086.629.248	2.061.550.000	6.148.179.248
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu kỳ	-	887.247.542	887.247.542
Khấu hao trong kỳ	-	195.993.884	195.993.884
Số cuối kỳ	-	1.083.241.426	1.083.241.426
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu kỳ	4.086.629.248	1.174.302.458	5.260.931.706
Số cuối kỳ	4.086.629.248	978.308.574	5.064.937.822

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 680.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 680.000.000 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 625.000.000 VND.

**12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công trình dự án Văn phòng Chi nhánh Phú Quốc	-	203.374.878
Công trình điện tại Vĩnh Bảo	103.066.929	137.518.000
Công trình điện tại phường An Đồng và Hồng Thái	918.313.001	15.325.185
Công trình điện tại 3 phường Thủy Nguyên	594.661.804	26.469.382
<b>Cộng</b>	<b>1.616.041.734</b>	<b>382.687.445</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty liên kết	3.215.716	-		
Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long	3.215.716	-	(*)	-
Cộng	3.215.716	-	4.000.000.000	407.329.603 (*)

Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 5702012647 ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh, sửa đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 01 năm 2021 với vốn điều lệ 10.000.000.000 VND. Công ty Cổ phần Điện nước Lấp máy Hải Phòng đăng ký góp 4.000.000.000 VND (chiếm 40% vốn điều lệ). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty liên kết đang trong quá trình giải thể và Công ty đã được hoàn trả phần lớn số vốn đã đầu tư.

Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long có địa chỉ đăng ký tại Kí-ốt C238, Khu phố cổ Sunworld, đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long là: Truyền tải và phân phối điện; khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long đã thực hiện các thủ tục cần thiết để giải thể do hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, số dư trên sổ sách kế toán phản ánh số vốn góp còn lại sau khi Công ty liên kết đã hoàn trả vốn góp đợt 1 cho các cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Điện lực Hưng Yên - Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	27.259.253.054	27.259.253.054	15.397.472.401	15.397.472.401
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực An Dương	24.156.378.517	24.156.378.517	4.284.795.060	4.284.795.060
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực Thủy Nguyên	9.077.714.672	9.077.714.672	3.318.420.350	3.318.420.350
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực Vĩnh Bảo	6.277.948.814	6.277.948.814	2.475.209.971	2.475.209.971
Các Công ty, chi nhánh điện lực khác	7.896.785.185	7.896.785.185	3.610.382.975	3.610.382.975
Các đối tượng khác	2.027.153.494	2.027.153.494	3.366.259.016	3.366.259.016
<b>Cộng</b>	<b>76.695.233.736</b>	<b>76.695.233.736</b>	<b>32.452.539.773</b>	<b>32.452.539.773</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp/ thu trong kỳ	Số đã thực nộp/ thu trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	81.659.723	4.490.618.471	3.171.198.082	1.401.080.112
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.929.358.624	5.657.107.083	4.997.958.504	3.588.507.203
Thuế thu nhập cá nhân	118.225.553	1.411.580.265	1.529.805.818	-
Tiền thuê đất	-	353.459.730	353.459.730	-
Các loại thuế khác	-	21.755.535	8.000.000	13.755.535
<b>Cộng</b>	<b>3.129.243.900</b>	<b>11.934.521.084</b>	<b>10.060.422.134</b>	<b>5.003.342.850</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	27.498.443	27.498.443
Thuế giá trị gia tăng	80.661.851	-	3.077.875	83.739.726
Tiền thuê đất	-	-	3.459.730	3.459.730
<b>Cộng</b>	<b>80.661.851</b>	<b>-</b>	<b>34.036.048</b>	<b>114.697.899</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trích trước tiền lương tháng 13, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ	1.172.196.578	2.936.109.854
Trích trước tiền điện, tiền nước đầu nguồn	11.111.379.777	6.584.452.498
Các khoản khác	1.201.665.186	1.814.020.324
<b>Cộng</b>	<b>13.485.241.541</b>	<b>11.334.582.676</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Ký quỹ bảo lãnh hợp đồng công trình cấp điện, nước, thiết bị dự án đường bao Đông Nam Quận Hải An	1.887.698.148	1.887.698.148
Phải trả Ông Trần Ngọc Hải tiền nộp các công trình xây dựng	1.037.010.074	1.037.010.074
Chi phí lãi vay dự trả	3.104.126	7.440.291
Các khoản phải trả khác	3.410.859.479	1.471.099.947
<b>Cộng</b>	<b>6.338.671.827</b>	<b>4.403.248.460</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn các đối tượng khác</i>	13.284.804.793	13.284.804.793	70.175.842.294	70.304.550.505	13.156.096.582	13.156.096.582
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.000.073.610	1.000.073.610	6.008.491.693	6.007.422.827	1.001.142.476	1.001.142.476
- Chi nhánh Hải Phòng (i)						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (ii)	4.004.731.183	4.004.731.183	23.014.655.642	24.017.127.678	3.002.259.147	3.002.259.147
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	1.002.694.959	-	1.002.694.959	1.002.694.959
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (iii)	8.000.000.000	8.000.000.000	39.990.000.000	40.000.000.000	7.990.000.000	7.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lý (iv)	280.000.000	280.000.000	160.000.000	280.000.000	160.000.000	160.000.000
<i>Vay ngắn hạn là bên liên quan</i>	-	-	1.300.000.000	-	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long	-	-	1.300.000.000	-	1.300.000.000	1.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.284.804.793</b>	<b>13.284.804.793</b>	<b>71.475.842.294</b>	<b>70.304.550.505</b>	<b>14.456.096.582</b>	<b>14.456.096.582</b>

Ghi chú:

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/202969/HĐTD ký ngày 05 tháng 8 năm 2024 với hạn mức tín dụng thường xuyên là 10 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay, thời hạn vay được quy định cụ thể theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay không có tài sản đảm bảo (Xem Thuyết minh số 10).
- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01.2025/HĐCD/VCB-DNC.HP ký ngày 28 tháng 6 năm 2025 với hạn mức tín dụng là 11 tỷ VND. Thời hạn vay 12 tháng. Thời hạn cho vay cho mỗi khoản vay không quá 2 tháng. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ.

Biện pháp bảo đảm:

- +) Thế chấp xe ô tô Toyota Land Cruise Prado biển số 15A-565.75 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 098695 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 01 năm 2020 (xem Thuyết minh số 10).
- +) Thế chấp căn hộ chung cư số 706 thuộc tòa A1, Khu căn hộ rừng cọ, Khu đô thị Thương mại và Du lịch Văn Giang tại xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DD 448738 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên cấp ngày 02 tháng 12 năm 2021 (xem Thuyết minh số 10).
- +) Cầm cố/ Thế chấp Sổ tiết kiệm/ tiền gửi của cá nhân là thành viên góp vốn Công ty sở hữu trực tiếp từ 5% vốn điều lệ Công ty trở lên (bằng tiền VND và/hoặc ngoại tệ): quy đổi tối thiểu 10 triệu VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố kiêm khế ước nhận nợ số 1066116.25 ngày 30 tháng 6 năm 2025, số tiền vay 8.000.000.000 VND, lãi suất 6%/năm, thời hạn từ ngày 29 tháng 6 năm 2025 đến 25 tháng 7 năm 2025. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Phương thức trả lãi và gốc vào cuối kỳ. Tài sản cầm cố bao gồm: Loại giấy tờ có giá, sổ giấy tờ có giá...
- (iv) Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 01-2025/HĐVV ngày 01 tháng 4 năm 2025. Số tiền vay 280.000.000 VND, thời hạn 1 năm. Theo hình thức cho vay và trả nợ 1 lần. Lãi suất phải trả tiền vay là 5,5%/năm (được tính là 360 ngày). Lãi vay trả theo quý. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	64.222.580.000	(50.000.000)	713.858.604	557.368.590	48.001.106.291	113.444.913.485
Lãi trong năm	-	-	-	-	42.140.543.763	42.140.543.763
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.727.502.827)	(1.727.502.827)
Tăng vốn trong năm	16.055.220.000	-	-	-	(16.055.220.000)	-
Chia cổ tức đợt 2, năm 2023	-	-	-	-	(9.633.385.000)	(9.633.385.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1, năm 2024	-	-	-	-	(8.027.780.000)	(8.027.780.000)
Phân chia lợi nhuận liên danh	-	-	-	-	(2.934.653.088)	(2.934.653.088)
Số đầu kỳ này	80.277.800.000	(50.000.000)	713.858.604	557.368.590	51.763.109.139	133.262.136.333
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	22.572.906.066	22.572.906.066
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	-	(1.907.155.853)	(1.907.155.853)
Chia cổ tức đợt 2, năm 2024 (i)	-	-	-	-	(12.039.595.200)	(12.039.595.200)
Phân chia lợi nhuận liên danh (i)	-	-	-	-	(4.086.233.386)	(4.086.233.386)
Số dư cuối kỳ này	80.277.800.000	(50.000.000)	713.858.604	557.368.590	56.303.030.766	137.802.057.960

Ghi chú:

(i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2025 thông qua phương án phân phối lợi nhuận, phân chia cổ tức năm 2024 trong kỳ này.

Cụ thể như sau:

- Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 thành 02 đợt: Đợt 1 là 10%/Vốn tương ứng số tiền 8.027.780.000 VND; đợt 2 là 15%/Vốn tương ứng số tiền 12.041.670.000 VND.
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 5%: 1.907.155.853 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

Ghi chú (Tiếp theo):

- Chia lợi nhuận cho các bên tham gia liên danh và hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

Công ty	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark	3.793.024.610
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP	150.705.921
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng	51.593.765
<b>Cộng</b>	<b>3.995.324.296</b>

Ngoài ra, trong kỳ Công ty đã chia lợi nhuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp thương mại số tiền 90.909.091 VND, số tiền này là cố định hàng kỳ và không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty.

Cổ tức đã trả trong kỳ là 12.039.595.200 VND.

Đồng thời, Nghị quyết cũng thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2025 với tỷ lệ 25% vốn điều lệ, tương ứng với số lượng phát hành dự kiến là 2.006.901 cổ phiếu, thực hiện trong Quý III năm 2025. Kết quả phát hành cổ phiếu xem thêm tại Thuyết minh số 33.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Vốn góp của chủ sở hữu	80.277.800.000	80.277.800.000
<b>Cộng</b>	<b>80.277.800.000</b>	<b>80.277.800.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	80.277.800.000	64.222.580.000
- Vốn góp cuối kỳ	80.277.800.000	64.222.580.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.039.595.200	9.633.385.000

**d) Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.027.780	8.027.780
- Cổ phiếu phổ thông	8.027.780	8.027.780
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.027.780	8.027.780
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**20. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán điện	484.588.511.884	427.730.629.879
Doanh thu bán nước	9.099.565.961	8.093.085.844
Doanh thu khác	5.364.436.508	3.452.939.857
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>499.052.514.353</b>	<b>439.276.655.580</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**21. GIÁ VỐN DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của dịch vụ bán điện	444.513.408.186	394.154.795.595
Giá vốn của dịch vụ bán nước	8.636.360.745	7.970.051.404
Giá vốn của dịch vụ khác	3.453.865.896	145.029.602
Giá vốn dự án Phú Quốc	4.030.916.646	-
<b>Cộng</b>	<b>460.634.551.473</b>	<b>402.269.876.601</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi từ hoạt động đầu tư	420.895.538	1.598.248.544
Lãi tiền gửi, cho vay	44.846.036	28.983.716
<b>Cộng</b>	<b>465.741.574</b>	<b>1.627.232.260</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	257.985.329	254.537.961
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng chứng khoán kinh doanh	(1.109.904.129)	1.555.671.627
<b>Cộng</b>	<b>(851.918.800)</b>	<b>1.810.209.588</b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	6.616.686.451	6.776.541.289
Chi phí khấu hao TSCĐ	775.373.104	730.846.068
Thuế, phí và lệ phí	370.215.265	319.446.784
Chi phí dịch vụ mua ngoài	355.876.544	388.725.196
Các khoản chi phí QLDN khác	2.207.845.827	3.289.459.000
<b>Cộng</b>	<b>10.325.997.191</b>	<b>11.505.018.337</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	7.934.671.993	6.603.291.842
Chi phí nhân công	20.856.647.344	18.754.434.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.227.652.950	4.199.693.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.181.296.637	8.458.470.991
Chi phí khác bằng tiền	4.633.347.700	6.619.533.536
<b>Cộng</b>	<b>49.833.616.624</b>	<b>44.635.424.365</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	28.628.866.818	25.381.758.261
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(343.331.402)	(258.293.416)
Điều chỉnh tăng cho thu nhập chịu thuế	1.650.936.943	855.681.803
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	505.000.000	453.500.000
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.145.936.943	402.181.803
Điều chỉnh giảm cho thu nhập chịu thuế	1.994.268.345	1.113.975.219
- Chênh lệch phân bổ chi phí trả trước	1.994.268.345	1.113.975.219
Thu nhập chịu thuế	28.285.535.416	25.123.464.845
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.657.107.083</b>	<b>5.024.692.969</b>

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp dựa trên chênh lệch giữa thu nhập tính thuế và thu nhập kế toán là 343.331.402 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chênh lệch phân bổ chi phí trả trước	1.994.268.345	1.113.975.219
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>398.853.669</b>	<b>222.795.044</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
	VND	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.572.906.066	20.134.270.248
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.572.906.066	20.134.270.248
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (i)	10.034.681	10.034.681
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.249	2.006
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và lãi liên doanh cho cả năm 2024, tuy nhiên, Công ty không tách được quỹ khen thưởng, phúc lợi và lãi liên doanh cho kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 nên không trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Công ty chưa có phương án cụ thể cho việc phân phối lợi nhuận năm 2025, việc trích lập các quỹ sẽ thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

**Ghi chú:**

- (i) Tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2025 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Ngày 25 tháng 7 năm 2025, Công ty đã phát hành thành công 2.006.901 cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông theo phương án trên, theo đó, số cổ phần đang lưu hành bình quân trong kỳ hoạt động 6 tháng năm 2024 và năm 2025 là 10.034.681 cổ phiếu. Do vậy, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh kỳ hoạt động 6 tháng năm 2025 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. (Lãi cơ bản trên cổ phiếu trước khi trình bày lại là 2.508 VND/cổ phiếu).

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	VND	VND
Các khoản vay	13.284.804.793	14.456.096.582
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(46.706.023.476)	(20.631.732.678)
Nợ thuần	(33.421.218.683)	(6.175.636.096)
Vốn chủ sở hữu	137.802.057.960	133.262.136.333
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,0%</b>	<b>0,0%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.706.023.476	20.631.732.678
Phải thu khách hàng và phải thu khác	97.488.167.536	64.217.711.263
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.615.065.753	524.065.753
Chứng khoán kinh doanh	-	8.321.557.200
Đầu tư tài chính dài hạn	3.215.716	3.592.670.397
<b>Tổng cộng</b>	<b>145.812.472.481</b>	<b>97.287.737.291</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	83.033.905.563	36.855.788.233
Chi phí phải trả	13.485.241.541	11.334.582.676
Vay và nợ thuê tài chính	13.284.804.793	14.456.096.582
<b>Tổng cộng</b>	<b>109.803.951.897</b>	<b>62.646.467.491</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro về giá***

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa, dịch vụ.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND		VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.706.023.476	-	-	46.706.023.476
Phải thu khách hàng và phải thu khác	97.488.167.536	-	-	97.488.167.536
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.615.065.753	-	-	1.615.065.753
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	3.215.716	3.215.716
<b>Tổng cộng</b>	<b>145.809.256.765</b>	<b>-</b>	<b>3.215.716</b>	<b>145.812.472.481</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	83.033.905.563	-	-	83.033.905.563
Chi phí phải trả	13.485.241.541	-	-	13.485.241.541
Vay và nợ thuê tài chính	13.284.804.793	-	-	13.284.804.793
<b>Tổng cộng</b>	<b>109.803.951.897</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>109.803.951.897</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>36.005.304.868</b>	<b>-</b>	<b>3.215.716</b>	<b>36.008.520.584</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số đầu kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.631.732.678	-	-	20.631.732.678
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.217.711.263	-	-	64.217.711.263
Chứng khoán kinh doanh	8.321.557.200	-	-	8.321.557.200
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	524.065.753	-	-	524.065.753
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	3.592.670.397	3.592.670.397
<b>Tổng cộng</b>	<b>93.695.066.894</b>	<b>-</b>	<b>3.592.670.397</b>	<b>97.287.737.291</b>
<b>Số đầu kỳ</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	36.855.788.233	-	-	36.855.788.233
Chi phí phải trả	11.334.582.676	-	-	11.334.582.676
Vay và nợ thuê tài chính	14.456.096.582	-	-	14.456.096.582
<b>Tổng cộng</b>	<b>62.646.467.491</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>62.646.467.491</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>31.048.599.403</b>	<b>-</b>	<b>3.592.670.397</b>	<b>34.641.269.800</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**30. THÔNG TIN KHÁC**

Tại ngày cuối kỳ, Công ty tham gia vào các Hợp đồng liên danh và Hợp đồng hợp tác kinh doanh sau:

- Hợp đồng Liên danh Quản lý và Kinh doanh điện tại Khu đô thị Cự Viên, Quận Kiến An, thành phố Hải Phòng số 10/2008/ĐN-XDDT ngày 08 tháng 3 năm 2008 với Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại VP hợp tác khai thác và kinh doanh điện năng tại Khu Đô thị Cự Viên, Quận Kiến An, TP. Hải Phòng; Tài sản khai thác là hệ thống đường dây và trạm biến áp đã được xây dựng xong tại địa điểm trên do Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP là Chủ đầu tư; Thời gian hợp tác kể từ khi công trình hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng; Nguồn vốn tối thiểu là 200.000.000 VND; Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phân chia cho các bên theo tỷ lệ đóng góp; Phương thức thực hiện bằng cách thành lập Ban Quản lý điện, hạch toán báo sổ về Công ty.
- Hợp đồng Liên danh về việc Quản lý và Kinh doanh điện với Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng số 1208/HĐLD ngày 12 tháng 8 năm 2021 tại Khu dự án “Đầu tư Xây dựng nhà ở trên diện tích hành lang và thân đê đôi ra do kiên cố hóa đê để tạo vốn thực hiện dự án đầu tư thí điểm kiên cố hóa đê, kè bờ hữu sông Lạch Tray” (Đoạn từ Km 34+600 đến Km 35+ 950); Tài sản khai thác là Hệ thống điện hạ thế và tủ điện đã được xây dựng xong tại địa bàn nói trên thuộc địa bàn Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng do Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng là Chủ đầu tư; Thời gian hợp tác tính theo thời hạn có hiệu lực của Giấy phép hoạt động điện lực do Sở Công Thương Thành phố Hải Phòng cấp thay cho Giấy phép hoạt động điện lực số 151 ngày 14 tháng 9 năm 2011 của Cục Điều tiết Điện lực; Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phân chia cho các bên theo tỷ lệ đóng góp; Thành lập Ban Quản lý điện do Công ty trực tiếp điều hành và hạch toán báo sổ về Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2020/HĐHTKD/HLC-HP ngày 30 tháng 3 năm 2019 với Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long tại “Dự án Sun Premier Village Ha Long Bay” và “Dự án Sun Plaza Grand World”. Theo hợp đồng, Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống điện (hệ thống 12 trạm biến áp tổng công suất 20.110 KVA, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới hạ thế và tủ điện phân phối), hệ thống cung cấp nước sạch; Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0819/HĐHTKD ngày 16 tháng 8 năm 2019 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thương mại về việc kinh doanh bán điện tại đợt 1 (7,3 ha) thuộc giai đoạn 1 dự án Khu đô thị nổi đường Lạch Tray với đường Hồ Sen - Cầu Rào 2 trên địa bàn phường Đông Hải, phường Dư Hàng Kênh thuộc Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng. Thời hạn của hợp đồng từ tháng 8 năm 2019 đến khi Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng không còn được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực. Công ty phải phân chia lợi nhuận cho đối tác theo thỏa thuận.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1001/HĐHTKD/ECOPARKHD-HP ngày 10 tháng 01 năm 2020 với Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương tại dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Thái Bình (Ecorivers). Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương kinh doanh bằng tài sản của Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống điện (hệ thống 21 trạm biến áp tổng công suất 35.000 KVA, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới hạ thế và tủ điện phân phối, công tơ đo đếm điện); hệ thống điện chiếu sáng; Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận. Trong quá trình kinh doanh, trường hợp phát sinh lỗ, Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng cam kết tự chịu chi phí để bù lỗ và được hạch toán chuyển lỗ năm sau.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark theo Hợp đồng số 201/HĐHTKD/ECOPARK-DNC ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại Khu đô thị Thương mại và Du lịch Văn Giang (Ecopark), Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống trạm biến áp, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống điện hạ thế và tủ điện phân phối, công tơ đếm điện. Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận. Trong quá trình kinh doanh, trường hợp phát sinh lỗ, Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng cam kết tự chịu chi phí để bù lỗ và được hạch toán chuyển lỗ năm sau.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp và Xây dựng Việt Trung (Bên A) theo Hợp đồng số 01/2021/HĐHT ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc: Hợp tác quản lý, vận hành, kinh doanh bán điện tại dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu tái định cư Bắc Sông Cấm. Thời gian hợp tác lâu dài và theo từng giai đoạn. Bên A ủy quyền cho bên B thực hiện các thủ tục để các thủ tục để xin cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn Dự án các khu Tái định cư Bắc Sông Cấm, hạch toán doanh thu, chi phí của hoạt động kinh doanh. Lãi/Lỗ do quá trình kinh doanh điện tại sẽ được phân chia cho đối tác theo thỏa thuận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 161/2023/HĐHTKD/PQC-HP ngày 15 tháng 11 năm 2023 với Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc tại “Dự án Khu đô thị Gateway”, “Dự án Cáp treo và Quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm- Phú Quốc”, “Dự án khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng cao cấp Bãi Khem Mặt trời Phú Quốc” và “Dự án khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng cao cấp Premier Village Phú Quốc resort”. Theo hợp đồng, Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống điện (hệ thống trạm biến áp đầu tư trọn bộ, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới hạ thế và tủ điện phân phối); Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc đã ngừng triển khai và hai bên đang thực hiện các thủ tục thanh quyết toán chi phí phát sinh.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 152/2024/HĐHTKD/VIETLAO-DNC ngày 04 tháng 9 năm 2024 với Công ty Cổ phần Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế Việt Lào (Bên A), hợp tác để thực hiện kinh doanh điện hệ thống điện do Bên A đã đầu tư tại Dự án Khu đô thị và nhà ở xã hội tại và Dự án mở rộng dự án Khu đô thị và nhà ở xã hội xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế Việt Lào kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống trạm biến áp trọn bộ; hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới hạ thế tủ điện phân phối, công tơ đo đếm điện; Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận.

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có số dư chủ yếu với bên liên quan như sau:*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long</b>		
Vay và nợ thuê tài chính	-	1.300.000.000
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long</b>		
Chi phí lãi vay	14.950.000	32.861.112
Lãi vay đã trả	14.950.000	32.861.112

*Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ và Kế toán trưởng được hưởng trong kỳ như sau:*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<b>Tiền lương, thưởng</b>	<b>3.787.092.425</b>	<b>3.352.442.455</b>
Ông Đỗ Huy Đạt	594.000.000	487.220.000
Ông Lê Hữu Cảnh	887.735.577	797.371.000
Ông Nguyễn Trung Kiên	148.000.000	137.500.000
Bà Vũ Thị Lương Dung	484.957.019	439.361.200
Ông Tạ Văn Sơn	155.000.000	144.500.000
Ông Nguyễn Văn Thao	524.195.000	441.267.385
Bà Lại Thị Vinh	123.050.000	116.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	355.006.829	317.406.455
Bà Dương Thị Thùy Linh	79.000.000	73.500.000
Bà Mai Thị Thanh Hà	436.148.000	398.316.415



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ và Kế toán trưởng được hưởng trong kỳ như sau (Tiếp theo):*

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Cổ tức được nhận từ Công ty</b>	<b>10.295.019.000</b>	<b>6.647.452.500</b>
Ông Đỗ Huy Đạt	3.059.062.500	2.392.224.000
Ông Lê Hữu Cảnh	2.988.159.000	1.195.264.500
Ông Nguyễn Trung Kiên	3.585.222.000	2.395.377.000
Bà Vũ Thị Lương Dung	400.012.500	320.010.000
Ông Tạ Văn Sơn	55.585.500	44.469.000
Ông Nguyễn Văn Thao	25.200.000	117.240.000
Bà Lại Thị Vinh	91.635.000	73.308.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	88.462.500	53.310.000
Bà Mai Thị Thanh Hà	1.680.000	56.250.000

**32. THÔNG TIN BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra tại khu vực miền Bắc nên Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được trình bày là bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty, bao gồm lĩnh vực kinh doanh cung cấp điện, nước và xây dựng.

Kết quả bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận khác và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Dưới đây là phân tích doanh thu, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh:

	Lĩnh vực kinh doanh điện	Lĩnh vực kinh doanh nước	Lĩnh vực khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Kỳ này</b>				-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	484.588.511.884	9.099.565.961	5.364.436.508	499.052.514.353
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>484.588.511.884</b>	<b>9.099.565.961</b>	<b>5.364.436.508</b>	<b>499.052.514.353</b>
Giá vốn bộ phận	448.544.324.832	8.636.360.745	3.453.865.896	460.634.551.473
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	36.044.187.052	463.205.216	1.910.570.612	38.417.962.880

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**32. THÔNG TIN BỘ PHẬN (TIẾP THEO)**

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh điện	Lĩnh vực kinh doanh nước	Lĩnh vực khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	427.730.629.879	8.093.085.844	3.452.939.857	439.276.655.580
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>427.730.629.879</b>	<b>8.093.085.844</b>	<b>3.452.939.857</b>	<b>439.276.655.580</b>
Giá vốn bộ phận	394.154.795.595	7.970.051.404	145.029.602	402.269.876.601
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	33.575.834.284	123.034.440	3.307.910.255	37.006.778.979

**33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ**

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long - Công ty liên kết của Công ty đã ban hành Quyết định số 01/2025/QĐ về việc giải thể doanh nghiệp do thua lỗ kéo dài, công tác mở rộng thị trường và tăng số lượng khách hàng không đạt được mục tiêu đề ra.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, Công ty đã phát hành thành công 2.006.901 cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 25% vốn điều lệ theo Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2025 được thông qua tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Nguyễn Thị Lý  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Mai Thị Thanh Hà  
Kế toán trưởng



Lê Hữu Cảnh  
Tổng Giám đốc



**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319,  
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa,  
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội  
Tel: +84-24 3577 0781  
Fax: +84-24 3577 0787  
Email: vacohn@vaco.com.vn  
Website: www.vaco.com.vn

**Văn phòng Hồ Chí Minh**

Lầu 10, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ  
P. 2, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84-28 3840 6618  
Fax: +84-28 3840 6616  
Email: vacohcm@vaco.com.vn

**Văn phòng Đồng Nai**

79 Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,  
TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai  
Tel: +84-251 3828 560  
Fax: +84-251 3828 560  
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

**Văn phòng Bình Dương**

Số 12, đường số 5, tổ 19  
Khu 3, P. Chánh Nghĩa  
TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương  
Email: vacobinhduong@vaco.com.vn

**Ha Noi Office**

12A Floor, 319 Corporation Tower  
No. 63 Le Van Luong Street, Trung Hoa Ward,  
Cau Giay District, Hanoi City  
Tel: +84-24 3577 0781  
Fax: +84-24 3577 0787  
Email: vacohn@vaco.com.vn  
Website: www.vaco.com.vn

**Ho Chi Minh Office**

10<sup>th</sup> Floor, HUD Building, No 159 Dien Bien Phu Street  
Ward. 2, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City  
Tel: +84-28 3840 6618  
Fax: +84-28 3840 6616  
Email: vacohcm@vaco.com.vn

**Dong Nai Office**

No. 79 Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,  
Bien Hoa City, Dong Nai Province  
Tel: +84-251 3828 560  
Fax: +84-251 3828 560  
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

**Binh Duong Office**

No. 12, Street 5, Group 19,  
Quarter 3, Chanh Nghia Ward  
Thu Dau Mot City, Binh Duong Province  
Email: vacobinhduong@vaco.com.vn